BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

DỰ ÁN CƠ SỞ SẢN XUẤT ĐỒ GỖ NỘI THẤT, PHƯỜNG TÂN HƯNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Địa điểm: Tổ dân phố Phạm Xá, phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 05/10/2026 của Chủ tịch UBND phường Tân Hưng)

Đvt: Đồng./.

Stt	Họ và tên theo Thông báo thu hồi đất	Loại đất	Diện tích thực hiện dự án			Bồi thường về đất	Các khoản hỗ trợ			Hỗ trợ cây cối hoa màu	Tổng cộng
			Diện tích thực hiện dự án (m^2)	Trong đó			Hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ sản xuất kinh doanh		
				Đất 03 (m^2)	Đất CĐ (m^2)						
1	Đặng Văn Gấm	LUC	185.2	539.5	-	59,345,000.0	296,725,000.0	13,275,000.0	17,804,000.0	7,967,000	**395,116,000**
	Đặng Thị Mận	LUC	354.3								
2	Vũ Văn Nhạ	LUC	280.5	278.0	70.0	30,580,000.0	152,900,000.0	6,638,000.0	9,174,000.0	2,154,000	**201,446,000**
3	Đặng Văn Huân	LUC	343.8	348.0	10.0	38,280,000.0	191,400,000.0	7,965,000.0	11,484,000.0	8,524,000	**257,653,000**
4	Nguyễn Thị Dông	LUC	340.6	352.0	2.0	38,720,000.0	193,600,000.0	-	11,616,000.0	5,085,000	**249,021,000**
5	Đặng Văn Xuân	LUC	564.5	591.0	16.0	65,010,000.0	325,050,000.0	5,310,000.0	19,503,000.0	5,032,000	**419,905,000**
6	Đinh Xuân Ổn	LUC	39.3	39.3	-	4,323,000.0	21,615,000.0	1,328,000.0	1,297,000.0	153,000	**28,716,000**
7	Đoàn Văn Minh	LUC	80.0	92.0	-	10,120,000.0	50,600,000.0	7,965,000.0	3,036,000.0	359,000	**72,080,000**
8	Đoàn Thị Chiu (đã chết), con gái là	LUC	96.6	76.0	20.6	8,360,000.0	41,800,000.0	1,328,000.0	2,508,000.0	377,000	**54,373,000**
9	Nguyễn Văn Đợi	LUC	263.0	238.0	25.0	26,180,000.0	130,900,000.0	2,655,000.0	7,854,000.0	371,000	**167,960,000**
10	Đặng Văn Vở	LUC	86.9	100.0	-	11,000,000.0	55,000,000.0	5,310,000.0	3,300,000.0	390,000	**75,000,000**
Tổng Cộng				**2653.8**	**143.6**	**291,918,000**	**1,459,590,000.0**	**51,774,000.0**	**87,576,000.0**	**30,412,000**	**1,921,270,000.0**

Bằng chữ: Một tỷ, chín trăm hai mươi mốt triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng chẵn./.